

Bản án số: **132/2017/DS-ST**

Ngày: 06/6/2017

*V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam Hải,
- *Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Phạm Thị Kim Hoàng,

2. Ông Nguyễn Thái Sơn.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* ông Nguyễn Huy Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh:* không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 346/2016/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2016, về việc «Tranh chấp về hợp đồng dân sự về vay tài sản», theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2017/QĐXX-DS ngày 08 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần C; trụ sở: T, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: ông Đào Văn Q, sinh năm X (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn:* ông Trịnh Tuấn H, sinh năm: Y; địa chỉ: C, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:* Ngày 04/6/2012, ông Trịnh Tuấn H đã ký giao dịch với Ngân hàng thương mại cổ phần C (sau đây gọi tắt là: C) Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của C, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và các văn bản giao dịch khác, đến ngày 15/6/2012 C đã cấp thẻ tín

dụng cho ông H. Chi tiết như sau: số thẻ: 4365 9910 0004 4108 ngày cấp 15/6/2012; hạn mức thẻ: 200.000.000 đồng; hiệu lực thẻ: 36 tháng kể từ ngày 15/6/2012; lãi suất trong hạn, quá hạn thay đổi từng thời kỳ quy định theo nội dung của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của C.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông H đã không thanh toán đầy đủ cho C theo Thông báo giao dịch hàng tháng, do đó ngày 25/4/2016 C đã chuyển toàn bộ số nợ chưa thanh toán của ông H sang nợ quá hạn.

Tạm tính đến ngày 25/4/2017, ông H còn nợ C: vốn 213.020.759 đồng; lãi quá hạn 80.364.996 đồng, tổng cộng là 293.385.755 đồng.

C đề nghị Tòa án buộc ông Trịnh Tuấn H thanh toán khoản nợ tạm tính đến ngày 25/4/2017, tổng cộng là 293.385.755 đồng (gồm vốn, lãi quá hạn, phí giao dịch thẻ), và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, do các bên thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của C, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, kể từ ngày 26/4/2017, cho đến khi ông H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với C.

Cách thức thanh toán: thanh toán làm một lần sau ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

* *Đối với bị đơn ông Trịnh Tuấn H:* đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 1569/TB-TLVA ngày 07/12/2016; giấy triệu tập tự khai; hai Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông H đều vắng mặt không lý do nên Tòa án quyết định xét xử vụ án theo thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tòa án đã tổ chức hai Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 24 tháng 02 năm 2017 và ngày 24 tháng 3 năm 2017, giữa các đương sự, nhưng bị đơn ông H đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Hình thức, nội dung đơn khởi kiện của C thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tư cách pháp nhân: Ngân hàng thương mại cổ phần C, có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301452948, đăng ký lần đầu ngày 19/5/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 03/9/2014, được cấp bởi Phòng đăng

ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố M. Như vậy, về tư cách pháp nhân của Ngân hàng, phù hợp quy định của Luật doanh nghiệp.

Về việc ủy quyền: Tổng giám đốc C có văn bản ủy quyền ký đơn khởi kiện số 581/UQ-QLN.16 ngày 25/10/2016 cho bà Vũ Thị Anh Đ, Giám đốc Phòng quản lý nợ; sau đó Giám đốc Phòng quản lý nợ bà Vũ Thị Anh Đ đã có văn bản ủy quyền lại số 626/UQ-ACBA.16 ngày 08/11/2016 cho ông Đào Văn Q tham gia tố tụng trong vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Trịnh Tuấn H, việc ủy quyền và nhận ủy quyền là phù hợp quy định của Bản điều lệ C, pháp luật về dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong vụ án này, căn cứ Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của C có hiệu lực từ ngày 09/12/2011, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng C Visa Platinum ngày 04/6/2012, Giấy xác nhận đã nhận thẻ và đề nghị kích hoạt thẻ ngày 28/6/2012, bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông Trịnh Tuấn H, ông H xác định hiện là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn và dịch vụ tín học V, trụ sở Công ty và nơi cư trú tại C, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, hai bên đương sự thống nhất chọn nơi ông Hùng đăng ký hộ khẩu thường trú là nhà số C, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, là địa chỉ liên lạc và gửi các văn bản giao dịch, nên việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng về vay tài sản”, thuộc loại tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tính tự nguyện giao kết giữa các chủ thể khi giao kết hợp đồng: hai bên có xác lập hợp đồng theo mẫu chung, theo quy định tại Điều 407 Bộ luật dân sự 2005 (Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của C có hiệu lực từ ngày 09/12/2011, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng C Visa Platinum ngày 04/6/2012, Giấy xác nhận đã nhận thẻ và đề nghị kích hoạt thẻ ngày 28/6/2012) do Ngân hàng dự thảo, việc hai bên ký kết hợp đồng theo đúng trình tự, thủ tục quy định, nên Hội đồng xét xử xét, hình thức và nội dung bản hợp đồng này được giao kết và thực hiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc khi giao kết hợp đồng.

Trong vụ án này, bị đơn không có yêu cầu phản tố.

2. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, các đương sự cam kết không bổ sung chứng cứ gì khác ngoài các chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: căn cứ vào Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của C có hiệu lực từ ngày 09/12/2011, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng C Visa Platinum ngày 04/6/2012, Giấy xác nhận đã nhận thẻ và đề nghị kích hoạt thẻ ngày 28/6/2012; Thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn ngày 26/4/2016; bản tự khai ngày 29/11/2016 của người đại diện theo ủy quyền C; bảng tính gốc, lãi khách hàng do Trung tâm Telesales của C lập, cùng các tài liệu chứng cứ khác, Hội đồng xét xử xét, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập, thể hiện ông Trịnh

Tuấn H là người xác lập giao dịch dân sự với C, yêu cầu C mở thẻ tín dụng C Visa Platinum, hiện dư nợ của ông H tạm tính đến ngày 25/4/2017, nợ vốn 213.020.759 đồng; nợ lãi quá hạn 80.364.996 đồng, tổng cộng là 293.385.755 đồng.

Về yêu cầu tính lãi suất quá hạn: giữa C và ông Trịnh Tuấn H thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của C, thể hiện lãi suất trong hạn khi hai bên thực hiện hợp đồng lãi suất là 24,8%/năm (tương đương 2,06%/tháng), lãi suất quá hạn 3.1%/tháng (lãi quá hạn bằng lãi trong hạn nhân với 150%) là căn cứ theo Biểu phí thẻ tín dụng quốc tế C – Visa Platinum, được ban hành theo nội dung Quyết định số 20/2007 ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, về việc Ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng). Hội đồng xét xử xét, đây là lãi suất thỏa thuận giữa C và khách hàng, phù hợp quy định của Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 (có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 4 năm 2010) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam, nên chấp nhận.

Căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các chứng cứ, phân tích đánh giá toàn bộ nội dung vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông Trịnh Tuấn H là người yêu cầu C mở thẻ tín dụng C Visa Platinum, hạn mức thẻ 200.000.000 đồng; tạm tính đến ngày 25/4/2017, ông H còn nợ C: vốn 213.020.759 đồng; lãi quá hạn 80.364.996 đồng, tổng cộng là 293.385.755 đồng. Việc ông Trịnh Tuấn H là người vi phạm thỏa thuận hợp đồng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của C, do vậy C yêu cầu Tòa án buộc ông Trịnh Tuấn H thanh toán khoản nợ nêu trên làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; đồng thời, ông H còn phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, do các bên thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của C, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, kể từ ngày 26/4/2017, cho đến khi ông H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với C.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trịnh Tuấn H phải chịu án phí dân sự là 14.669.500 đồng.

C không phải chịu án phí dân sự, C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 6.367.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 189, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 121, Điều 124, Điều 401, khoản 1 Điều 407, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 (có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 4 năm 2010) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hướng dẫn tổ chức tín

dụng cho vay bằng đồng Việt Nam; Quyết định số 20/2007 ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, về việc Ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng; tiểu mục 2.b Mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C.

1. Buộc ông Trịnh Tuấn H có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C, tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 25/4/2017 là: nợ vốn là 213.020.759 đồng (Hai trăm mười ba triệu không trăm hai mươi ngàn bảy trăm năm mươi chín đồng); nợ lãi là 80.364.996 đồng (Tám mươi triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn chín trăm chín mươi sáu đồng), tổng cộng hai khoản là 293.385.755 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi lăm đồng); đồng thời ông Trịnh Tuấn H còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, tính từ ngày 26/4/2017 cho đến khi ông Trịnh Tuấn H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần C, theo nội dung Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của C có hiệu lực từ ngày 09/12/2011, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng C Visa Platinum ngày 04/6/2012, Giấy xác nhận đã nhận thẻ và đề nghị kích hoạt thẻ ngày 28/6/2012; Thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn ngày 26/4/2016, được giao kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C và ông Trịnh Tuấn H.

Cách thức thanh toán: ông Trịnh Tuấn H có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C, tổng cộng số tiền là 293.385.755 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi lăm đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn 3.1%/tháng (Ba chấm một phần trăm một tháng), tính từ ngày 26/4/2017 cho đến khi ông Trịnh Tuấn H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần C, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Trịnh Tuấn H phải chịu án phí dân sự là 14.669.500 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm đồng). Ông Trịnh Tuấn H nộp số tiền án phí dân sự 14.669.500 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm đồng), nêu trên, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Ngân hàng thương mại cổ phần C không phải chịu án phí dân sự, Ngân hàng thương mại cổ phần C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 6.367.000 đồng (Sáu triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AD/2014/0004077, ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trịnh Tuấn H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

Lê Nam Hải